

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ ĐÁNH GIÁ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hương Thơm, Nguyễn Thị Anh Hoa,
Đào Trường Thành, Nguyễn Năng Hưng
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Năng lực tự đánh giá là yếu tố quan trọng trong học tập tự chủ của sinh viên, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và ứng dụng công nghệ. Khảo sát 101 sinh viên và 48 giảng viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cho thấy sinh viên hiểu tầm quan trọng của tự đánh giá nhưng còn hạn chế trong việc sử dụng tiêu chí, phân tích kết quả và điều chỉnh kế hoạch học tập. Công tác quản lý, công cụ đánh giá và hoạt động cố vấn đã có cải thiện nhưng chưa đồng bộ và thiếu quy trình hỗ trợ chuẩn hóa.

Từ tiếp cận quản lý giáo dục kết hợp QA và chu trình PDCA, bài báo đề xuất: hoàn thiện chuẩn đầu ra về tự đánh giá; chuẩn hóa công cụ và quy trình trên LMS; bồi dưỡng giảng viên và cố vấn; ứng dụng công nghệ theo dõi tiến bộ; và vận hành hệ thống QA để giám sát – cải tiến thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực tự học và chất lượng đào tạo.

Từ khóa: Bảo đảm chất lượng; năng lực tự đánh giá; quản lý đào tạo; PDCA; sinh viên đại học; Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; tự học.

Nhận bài ngày 25.08.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 29.12.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hương Thơm; email: ntththom@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Nâng cao chất lượng đánh giá kết quả học tập của sinh viên luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của giáo dục đại học Việt Nam. Nhiều văn bản chỉ đạo của Đảng, của chính phủ về đổi mới giáo dục đào tạo. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng quốc tế công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kì, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội. Điều này cần có các nghiên cứu, triển khai cụ thể đối với từng bậc học.

Trong học chế tín chỉ, đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra, bài thi kết thúc học phần mà còn đánh giá bằng các hoạt động trên lớp (đánh giá chuyên cần), tự học ở nhà qua nội dung phát biểu trên lớp, thời gian và chất lượng hoàn thành bài tập ở nhà do giảng viên giao; làm việc trong các phòng thí nghiệm, đi thực tế,...

Năng lực tự đánh giá là thành tố cốt lõi của học tập tự chủ, giúp người học kiểm soát tiến trình, điều chỉnh chiến lược và nâng cao chất lượng học tập (Boud, 2013; Panadero et al., 2016). Đây cũng là năng lực quan trọng của học tập suốt đời theo định hướng của UNESCO (2019) và OECD (2020). Trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra tại Việt Nam, sinh viên cần có khả năng tự giám sát và phân tích kết quả học tập; tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy năng lực này vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở kỹ năng phân tự và sử dụng tiêu chí đánh giá (Nguyễn Thị H., 2021).

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã triển khai LMS, cố vấn học tập và đánh giá theo chuẩn đầu ra nhằm hỗ trợ phát triển năng lực tự đánh giá, nhưng hiệu quả thực thi chưa được nghiên cứu hệ thống. Do đó, bài báo khảo sát thực trạng năng lực tự đánh giá của sinh viên, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp dựa trên tiếp cận đảm bảo chất lượng và chu trình PDCA (Deming, 2018), nhằm góp phần cải tiến đào tạo và thúc đẩy văn hóa tự học trong bối cảnh chuyển đổi số.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận của năng lực tự đánh giá

2.1.1. Khái niệm năng lực tự đánh giá

Tự đánh giá được xem là thành tố cốt lõi của đánh giá quá trình, cho phép người học chủ động theo dõi và điều chỉnh hoạt động học tập. Boud (2013) định nghĩa tự đánh giá là quá trình người học tự đưa ra phán xét về chất lượng kết quả dựa trên tiêu chí xác định. Panadero, Andrade và Brookhart (2018) xem đây là hoạt động nhận thức phức hợp, trong đó sinh viên đối chiếu sản phẩm học tập với mục tiêu và tiêu chí để xác định mức độ đạt được và đề xuất hướng cải thiện. UNESCO (2019) cũng nhấn mạnh tự đánh giá là năng lực trọng yếu của học tập tự chủ và học tập suốt đời trong giáo dục đại học hiện đại.

Năng lực tự đánh giá được tiếp cận như một thành phần của năng lực tự học, thể hiện khả năng vận dụng kỹ năng nhận thức và siêu nhận thức để theo dõi, phân tích và điều chỉnh việc học (Zimmerman, 2002). Theo OECD (2020), năng lực này bao gồm việc xác lập mục tiêu và tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng, đối chiếu kết quả, thực hiện phản tư và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Trong bối cảnh đào tạo đại học, năng lực tự đánh giá giúp sinh viên nhận diện điểm mạnh – điểm yếu, nâng cao tự chủ và điều chỉnh chiến lược học tập, đồng thời đáp ứng yêu cầu của giáo dục đại học định hướng năng lực (Brookhart & Chen, 2015). Tóm lại, năng lực tự đánh giá là khả năng xác định chuẩn mực, phân tích minh chứng, phản tư kết quả và điều chỉnh quá trình học nhằm đạt mục tiêu, qua đó góp phần phát triển năng lực tự học và học tập suốt đời.

2.1.2. Vai trò của năng lực tự đánh giá trong giáo dục đại học

Năng lực tự đánh giá giữ vai trò trung tâm trong học tập đại học vì giúp sinh viên chủ động theo dõi, kiểm soát và điều chỉnh quá trình học. Sinh viên có năng lực này thường thể hiện mức độ tự điều chỉnh cao hơn, biết đặt mục tiêu, giám sát tiến trình và điều chỉnh chiến lược học tập hiệu quả (Zimmerman, 2002), qua đó phát triển năng lực tự chủ – yêu cầu quan trọng trong bối cảnh đổi mới và chuyên đổi số.

Trước hết, tự đánh giá góp phần thúc đẩy học tập tự chủ thông qua việc sử dụng tiêu chí, phân tích minh chứng và phản tư kết quả; điều này giúp người học tự đưa ra quyết định phù hợp về phương pháp và chiến lược học (Boud & Molloy, 2015). Thứ hai, năng lực này hỗ trợ phát triển năng lực nghề nghiệp và năng lực số. Theo UNESCO (2019), tự đánh giá giúp người học thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp biến đổi nhanh và duy trì học tập suốt đời; đồng thời việc ứng dụng LMS, e-portfolio hay rubric số giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng số (OECD, 2020). Thứ ba, tự đánh giá là thành tố quan trọng của đánh giá vì sự học, giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu, nắm tiêu chí và tham gia tích cực vào quá trình học (Panadero et al., 2018).

Tổng thể, năng lực tự đánh giá không chỉ nâng cao kết quả học tập mà còn tạo nền tảng cho phát triển nghề nghiệp, năng lực số và học tập suốt đời trong giáo dục đại học hiện nay.

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự đánh giá của sinh viên

Năng lực tự đánh giá của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố ở cấp cá nhân, giảng dạy, môi trường học tập và cơ chế quản lý. Panadero et al. (2016) chỉ ra rằng năng lực này không hình thành tự nhiên mà phụ thuộc vào sự tương tác giữa người học, chương trình đào tạo và văn hóa đánh giá.

Ở cấp cá nhân, sự tự tin, động cơ, kỹ năng siêu nhận thức và khả năng đặt mục tiêu quyết định mức độ chủ động trong tự đánh giá; sinh viên thiếu kỹ năng phản tư thường khó đánh giá chính xác (Zimmerman, 2002). Ở cấp giảng dạy, giảng viên với vai trò định hướng tiêu chí, phản hồi và tổ chức hoạt động đánh giá quá trình có ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành năng lực tự đánh giá (Boud & Molloy, 2015).

Môi trường học tập và công nghệ số như LMS, e-portfolio hay rubric số giúp sinh viên tiếp cận minh chứng và phản hồi minh bạch, qua đó nâng cao khả năng tự đánh giá (OECD, 2020). Ngoài ra, cơ chế quản lý đào tạo và văn hóa đảm bảo chất lượng đóng vai trò định hướng; hệ thống nhấn mạnh đánh giá quá trình và tự học sẽ thúc đẩy sự phát triển năng lực này, trong khi mô hình thiên về thi cử cuối kỳ có thể hạn chế (UNESCO, 2019).

Tóm lại, năng lực tự đánh giá chịu tác động tổng hợp của nhiều yếu tố, và việc nhận diện

chúng là cơ sở để xây dựng giải pháp phát triển năng lực này một cách hiệu quả và bền vững.

2.2. Thực trạng phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng

Mục đích khảo sát: Xác định mức độ hiện nay của năng lực tự đánh giá kết quả học tập của sinh viên; nhận diện thuận lợi, khó khăn và các yếu tố tác động; qua đó xác định những điểm mạnh, hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng làm cơ sở thực tiễn để đề xuất giải pháp phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội phù hợp.

Nội dung khảo sát: Các biểu hiện, mức độ, kỹ năng thành phần và điều kiện ảnh hưởng đến năng lực tự đánh giá của sinh viên. Nội dung khảo sát được thể hiện trong bộ công cụ khảo sát gồm 56 câu hỏi, chia thành 4 nhóm tiêu chí:

- (1) Nhận thức về vai trò của tự đánh giá;
- (2) Kỹ năng thành phần của năng lực tự đánh giá;
- (3) Vận dụng kết quả và biểu hiện hành vi;
- (4) Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự đánh giá.

Phương pháp khảo sát: Sử dụng các phương pháp khảo sát như điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, phân tích sản phẩm học tập, thống kê toán học.

Khách thể và địa bàn khảo sát: Khảo sát được thực hiện trên 1.303 sinh viên thuộc nhiều ngành và khóa học, cùng với 92 giảng viên và cán bộ quản lý của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Sinh viên thuộc các ngành được khảo sát gồm: Quản lý Giáo dục, Sư phạm Toán, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục công dân, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non. Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Vật lý, Giáo dục hòa nhập, Công nghệ thông tin, Toán ứng dụng, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Tâm lý học, Công tác xã hội, Luật, Văn học, Chính trị học.

Phân tích kết quả khảo sát: Dữ liệu thu thập bằng phiếu hỏi Likert 5 mức, phỏng vấn sâu, phân tích sản phẩm học tập và quan sát.

2.2.2. Thực trạng năng lực tự đánh giá của sinh viên

a. Nhận thức của sinh viên về vai trò của tự đánh giá

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên về vai trò của tự đánh giá

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý		Đồng ý		Phân vân		Không đồng ý		Hoàn toàn không đồng ý		ĐTB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Tự đánh giá giúp bạn hiểu rõ điểm mạnh/điểm hạn chế trong học tập	482	36.99	669	51.34	110	8.44	11	0.84	32	2.46	4.17
2	Tự đánh giá giúp bạn cải thiện kết quả các học phần	437	33.54	684	52.49	124	9.52	16	1.23	30	2.30	4.11
3	Tự đánh giá là kỹ năng quan trọng cho học tập suốt đời	489	37.53	636	48.81	120	9.21	9	0.69	36	2.76	4.14
4	Bạn tin rằng mọi sinh viên đều cần biết tự đánh giá	477	36.61	639	49.04	125	9.59	16	1.23	32	2.46	4.13
5	Bạn sẵn sàng dành thời gian cho hoạt động tự	444	34.08	659	50.58	144	11.05	12	0.92	30	2.30	4.1

đánh giá											
TBC											4.13

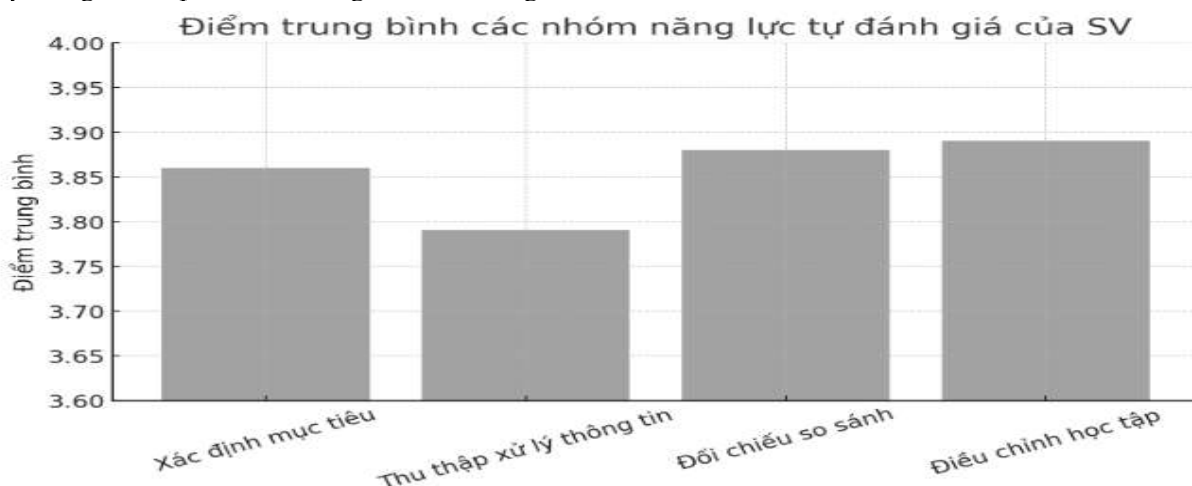
Kết quả cho thấy điểm trung bình của 5 câu hỏi khảo sát trên 1303 sinh viên của các câu hỏi có điểm trung bình > 4 ở mức Thường xuyên. Điều này chứng tỏ sinh viên đã có nhận thức tốt về vai trò của tự đánh giá kết quả học tập của mình.

Sinh viên nhìn chung ý thức rõ vai trò của hoạt động tự đánh giá, đặc biệt ở các khía cạnh như “Tự đánh giá giúp hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu trong học tập” và “Tự đánh giá giúp cải thiện kết quả học phần”.

Tuy nhiên, mức độ “sẵn sàng dành thời gian cho hoạt động tự đánh giá” có điểm trung bình thấp hơn, phản ánh hạn chế trong tính chủ động và duy trì thói quen tự đánh giá thường xuyên.

Như vậy, sinh viên có nhận thức tích cực và đầy đủ về ý nghĩa, song chưa có sự cam kết hành động tương xứng.

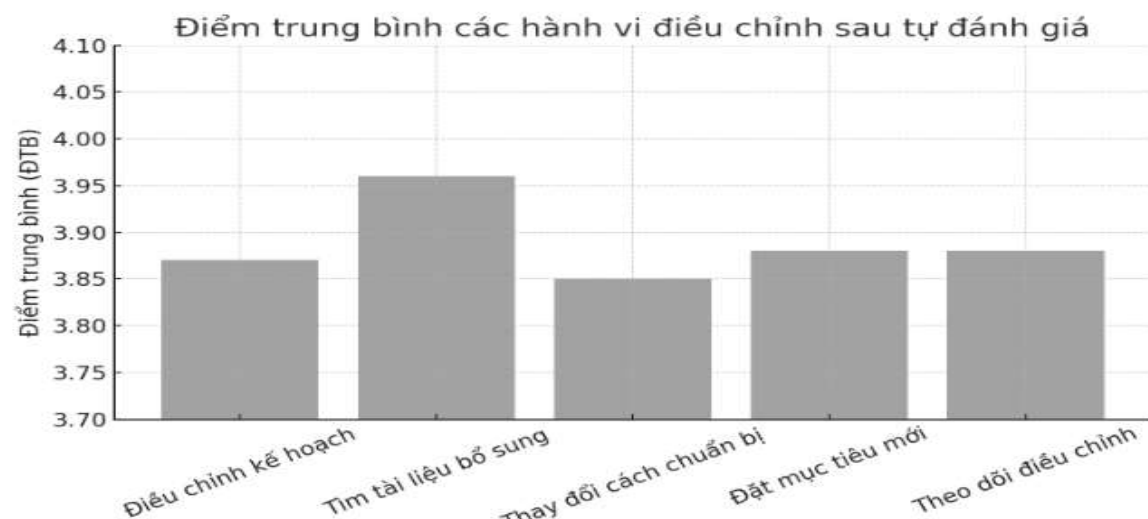
b. Kỹ năng thành phần của năng lực tự đánh giá



Biểu đồ 1. Thực trạng các nhóm năng lực tự đánh giá của SV

c. Vận dụng kết quả tự đánh giá vào hành vi học tập

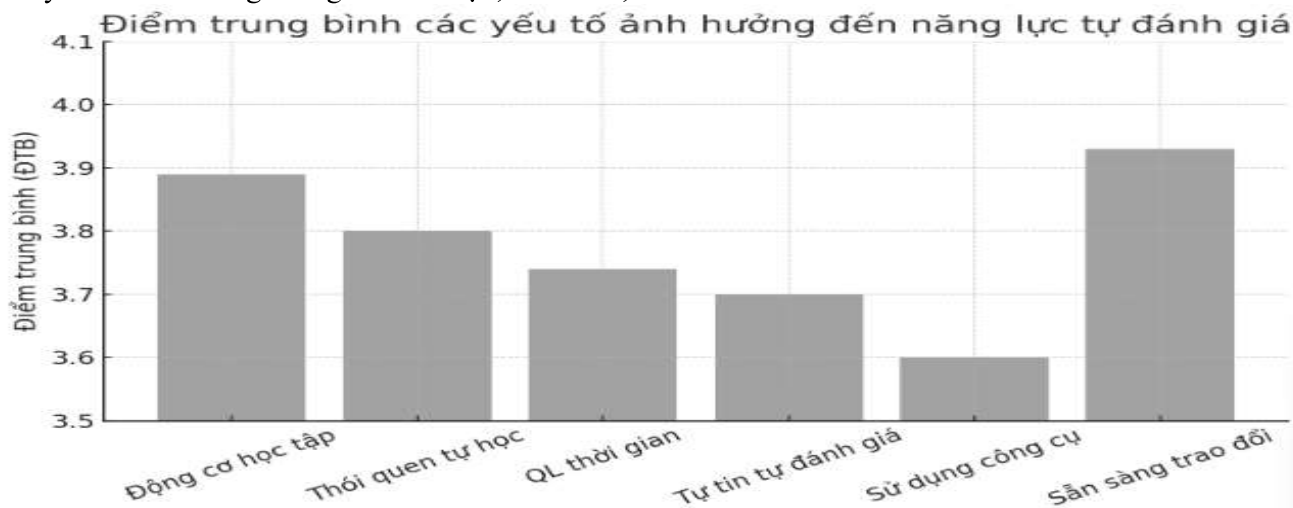
Kỹ năng thành phần đạt mức khá (ĐTB = 3,86), phản ánh sinh viên đã hình thành nên tăng tự đánh giá nhưng vẫn thiếu ổn định ở khả năng sử dụng công cụ và rút ra biện pháp điều chỉnh. Nhóm này đạt 3,54/5 thấp nhất trong bốn nhóm, cho thấy sinh viên còn gặp khó khăn khi chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể. Các tiêu chí như điều chỉnh cách chuẩn bị bài, duy trì thói quen phản tư còn hạn chế.



Biểu đồ 2. Thực trạng vận dụng kết quả tự đánh giá vào hành vi học tập của SV

d. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự đánh giá

Kết quả khảo sát các yếu tố từ chính sách, môi trường học thuật và công nghệ của nhà trường cho thấy mức ảnh hưởng tương đối tích cực, ĐTB = 3,94/5.

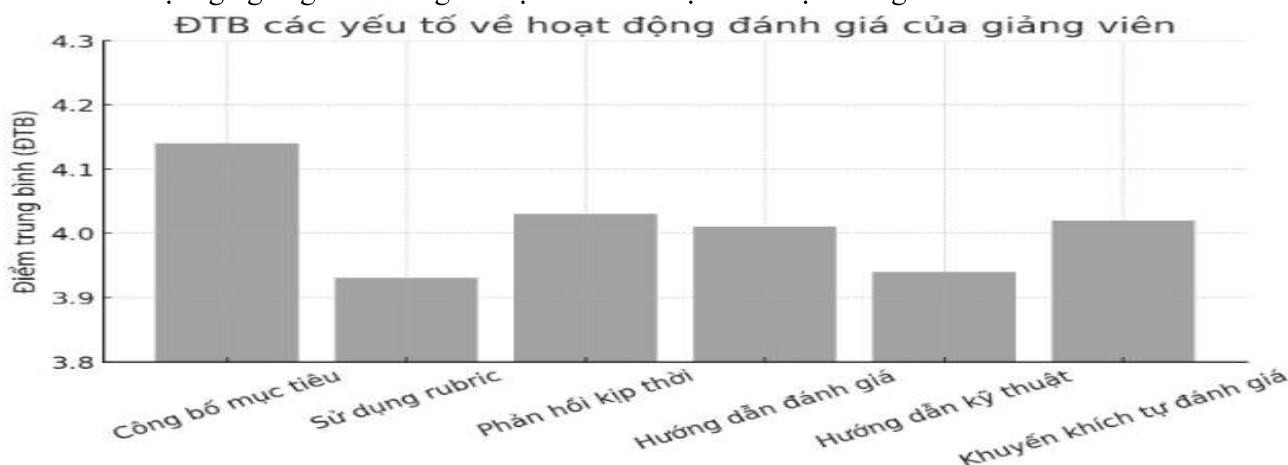


Biểu đồ 3. thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự đánh giá của SV

Kết quả cho thấy sinh viên có thái độ tích cực đối với tự đánh giá, với ĐTB chung 3.78. Các yếu tố mạnh nhất là động cơ học tập và sẵn sàng trao đổi – nhận phản hồi, cho thấy sự chủ động và cởi mở của sinh viên. Tuy nhiên, điểm thấp ở kỹ năng sử dụng công cụ đánh giá và mức độ tự tin khi tự đánh giá cho thấy sinh viên còn hạn chế về kỹ năng đánh giá học tập và năng lực số, cần được hỗ trợ bổ sung.

2.2.3. Thực trạng thực hành sự phạm hỗ trợ tự đánh giá của giảng viên

Kết quả khảo sát 92 giảng viên cho thấy điểm trung bình đạt **4,18/5**, phản ánh sự chủ động và nghiêm túc của đội ngũ giảng viên trong hỗ trợ sinh viên thực hành tự đánh giá.



Biểu đồ 4. thực trạng hỗ trợ tự đánh giá của giảng viên

Kết quả cho thấy sinh viên đánh giá các hoạt động đánh giá của giảng viên ở mức cao, với ĐTB dao động từ 3.93 đến 4.14. Mức cao nhất là giảng viên công bố rõ mục tiêu – chuẩn đầu ra – tiêu chí (4.14), thể hiện sự minh bạch trong đánh giá. Các yếu tố như phản hồi kịp thời, khuyến khích tự đánh giá và tổ chức hướng dẫn đánh giá đồng đẳng đều đạt trên 4.0, phản ánh sự hỗ trợ tích cực của giảng viên. Mức điểm thấp nhất là sử dụng rubric/bảng kiểm (3.93) và hướng dẫn kỹ thuật tự đánh giá (3.94), cho thấy cần tăng cường hướng dẫn sinh viên sử dụng công cụ đánh giá hiện đại.

2.3. Thực trạng quản lý phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Bên cạnh việc khảo sát mức độ hình thành năng lực tự đánh giá của sinh viên, nghiên cứu cũng xem xét thực trạng quản lý hoạt động phát triển năng lực này tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Kết quả cho thấy nhà trường đã có những nỗ lực nhất định trong quản lý mục tiêu đào tạo, tổ chức

đánh giá và hỗ trợ sinh viên, tuy nhiên việc phát triển năng lực tự đánh giá vẫn chưa được thể chế hóa rõ ràng và còn thiếu các công cụ, quy trình chuẩn hóa.

2.3.1. Quản lý mục tiêu – chuẩn đầu ra liên quan đến tự đánh giá

Qua khảo sát cho thấy Điểm trung bình nhóm đạt 4,18/5, thể hiện mức độ rất cao của thực hành sư phạm trong việc hỗ trợ sinh viên tự đánh giá kết quả học tập. Hầu hết các tiêu chí đều đạt từ 4.0 trở lên, phản ánh sự nhất quán và tích cực của giảng viên trong quá trình dạy học hướng đến phát triển năng lực tự đánh giá. Tiêu chí cao nhất (4.36) là “Thầy (cô) công bố rõ ràng mục tiêu, chuẩn đầu ra và tiêu chí đánh giá”, cho thấy giảng viên minh bạch hóa yêu cầu học tập, giúp sinh viên hiểu rõ kỳ vọng và tiêu chí tự đánh giá — đây là bước khởi đầu cốt lõi của đánh giá vì học tập.

Tiêu chí “Thầy (cô) đưa phản hồi kịp thời, chỉ rõ cách cải thiện” cũng đạt mức rất cao (4.32), chứng tỏ phản hồi mang tính hỗ trợ học tập và định hướng phát triển đang được thực hiện hiệu quả. Nhìn chung, nhà trường đã công bố mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo quy định chung, tuy nhiên năng lực tự đánh giá chưa được mô tả rõ ràng hoặc cụ thể hóa thành tiêu chí năng lực trong các chuẩn đầu ra chương trình. Một số học phần có tích hợp hoạt động tự đánh giá, nhưng còn mang tính rời rạc, chưa có sự đồng bộ giữa các khoa/bộ môn, dẫn đến thiếu nhất quán trong định hướng người học. Việc chưa chuẩn hóa nội dung này ảnh hưởng đến khả năng theo dõi, đánh giá và phát triển có hệ thống năng lực tự đánh giá của sinh viên.

2.3.2. Quản lý hoạt động đánh giá – kiểm tra

Công tác đánh giá – kiểm tra đã được tin học hóa thông qua hệ thống LMS, giúp sinh viên dễ dàng theo dõi điểm số, bài tập và phản hồi. Tuy nhiên, hoạt động quản lý đánh giá phục vụ phát triển năng lực tự đánh giá vẫn còn nhiều hạn chế. Nhà trường hiện chưa có hệ thống rubric thống nhất giữa các học phần, dẫn đến sự khác biệt lớn trong tiêu chí đánh giá. Bên cạnh đó, hệ thống biểu mẫu tự đánh giá chuẩn cho sinh viên cũng chưa được ban hành, khiến việc tự đánh giá chủ yếu dựa vào cảm nhận cá nhân thay vì tiêu chí rõ ràng. Điều này làm giảm hiệu quả của hoạt động đánh giá vì sự học (AFL) và tính minh bạch trong đánh giá.

2.3.3. Quản lý vai trò giảng viên và cố vấn học tập

Nhà trường đã phân công cố vấn học tập cho sinh viên nhưng hoạt động này chưa diễn ra thường xuyên và mức độ hỗ trợ còn phụ thuộc vào từng cá nhân cố vấn. Trong khi đó, giảng viên – lực lượng giữ vai trò quyết định trong phát triển năng lực tự đánh giá – chưa được bồi dưỡng đầy đủ về đánh giá vì sự học (AFL) và kỹ thuật hướng dẫn sinh viên tự đánh giá. Sự thiếu hụt này dẫn tới việc triển khai hoạt động tự đánh giá trên lớp học chưa thực sự có hệ thống, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân của giảng viên, chưa tạo thành thực hành nghề nghiệp bền vững.

2.3.4. Quản lý đảm bảo chất lượng (QA) nội bộ

Công tác đảm bảo chất lượng nội bộ của nhà trường hiện tập trung chủ yếu vào đánh giá hoạt động đào tạo và kết quả học tập ở cấp chương trình, nhưng chưa quản lý riêng năng lực tự đánh giá của sinh viên như một thành tố cần giám sát và cải thiện thường xuyên. Nhà trường chưa thiết lập khảo sát định kỳ về mức độ tự đánh giá, khả năng sử dụng công cụ đánh giá hay nhu cầu hỗ trợ của sinh viên. Điều này dẫn đến thiếu dữ liệu hệ thống để đưa ra biện pháp bồi dưỡng phù hợp hoặc điều chỉnh chiến lược phát triển năng lực tự học và tự đánh giá.

2.3.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự đánh giá kết quả học tập của sinh viên

a. Yếu tố từ phía sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình chung đạt 3,78/5, phản ánh mức khá. Điều này cho thấy các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên — như động cơ, thái độ, kỹ năng tự học và kinh nghiệm học tập — đều tác động tích cực đến quá trình tự đánh giá kết quả học tập. Thấp nhất (3.60) là tiêu chí “Biết sử dụng công cụ (rubric, bảng kiểm, hồ sơ học tập)”, cho thấy hạn chế trong kỹ năng kỹ thuật và phương pháp tự đánh giá, nhiều sinh viên chưa quen hoặc chưa được hướng dẫn cụ thể về cách dùng các công cụ hỗ trợ đánh giá. Kết quả trên phản ánh một bức tranh tương đối tích cực: sinh viên có động cơ học tập tốt, thái độ cầu thị và tinh thần hợp tác học thuật cao — đây là những yếu tố nền tảng giúp hình thành và phát triển năng lực tự đánh giá. Tuy nhiên, các yếu tố thuộc về kỹ năng kỹ thuật (sử dụng rubric, hồ sơ học tập) và năng lực tự quản lý thời gian, tự tin trong đánh giá bản thân vẫn còn hạn chế.

b. Yếu tố từ phía giảng viên

Điểm trung bình nhóm đạt 4,01/5, cho thấy các yếu tố từ phía giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức cao, thể hiện vai trò tích cực của giảng viên trong việc tổ chức dạy học, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực tự đánh giá. Giảng viên đã thực hiện tốt việc minh bạch hóa mục tiêu, tiêu chí và chuẩn đầu ra, đồng thời tăng cường phản hồi, hướng dẫn, khuyến khích sinh viên tham gia tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Tuy nhiên, mức độ hướng dẫn kỹ thuật tự đánh giá còn hạn chế, cho thấy một số giảng viên chưa chú trọng đầy đủ đến việc hướng dẫn sử dụng các công cụ cụ thể như rubric, bảng kiểm, hồ sơ học tập điện tử (portfolio).

2.4. Giải pháp quản lý phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Trên cơ sở thực trạng đã phân tích, việc phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên cần được thực hiện thông qua hệ thống giải pháp quản lý đồng bộ, hướng tới chuẩn hóa, số hóa và đảm bảo chất lượng liên tục. Các giải pháp sau đây được đề xuất theo định hướng PDCA (Plan – Do – Check – Act), phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

2.4.1. Hoàn thiện mục tiêu và chuẩn đầu ra liên quan đến năng lực tự đánh giá

Một trong những yêu cầu quan trọng là cụ thể hóa năng lực tự đánh giá trong chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, thay vì chỉ lồng ghép chung trong năng lực tự học. Nhà trường cần:

- Xác định rõ các thành tố của năng lực tự đánh giá (hiểu tiêu chí – thu thập minh chứng – phản tư - điều chỉnh).
- Tích hợp năng lực này vào chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra học phần.
- Đảm bảo sự liên thông giữa các học phần trong việc rèn luyện kỹ năng tự đánh giá.

Khi năng lực tự đánh giá được “đặt đúng vị trí” trong chuẩn đầu ra, nhà trường mới có cơ sở để xây dựng hoạt động dạy học, đánh giá, kiểm tra và đảm bảo chất lượng phù hợp.

2.4.2. Chuẩn hóa hoạt động đánh giá – kiểm tra theo hướng thúc đẩy tự đánh giá

Để nâng cao hiệu quả của đánh giá vì sự học (Assesment for Learners - AFL), nhà trường cần chuẩn hóa hoạt động đánh giá:

- Ban hành hệ thống rubric/bảng kiểm chuẩn cho các dạng bài tập, dự án, thuyết trình.
- Xây dựng mẫu phiếu tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng có thể áp dụng chung hoặc theo nhóm học phần.
- Tích hợp công cụ tự đánh giá vào LMS, giúp sinh viên dễ dàng thực hiện và theo dõi tiến trình học tập.
- Khuyến khích giảng viên công bố tiêu chí ngay từ đầu học phần và hướng dẫn sinh viên cách sử dụng.

Giải pháp này góp phần tăng tính minh bạch, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để sinh viên chủ động đánh giá và cải thiện.

2.4.3. Bồi dưỡng năng lực đánh giá cho giảng viên và cố vấn học tập

Giảng viên và cố vấn học tập là lực lượng then chốt trong phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên. Nhà trường cần: (1) Tổ chức tập huấn chuyên sâu về đánh giá vì sự học (AFL), phản hồi hiệu quả và kỹ thuật hướng dẫn tự đánh giá; (2) Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng rubric, công cụ số và các mô hình đánh giá theo năng lực; (3) Quy định rõ vai trò, nhiệm vụ của cố vấn học tập trong theo dõi tiến độ, hướng dẫn tự đánh giá và hỗ trợ cá nhân hóa học tập; (4) Tạo cơ chế động viên giảng viên áp dụng thực hành đánh giá hiện đại.

Khi giảng viên được trang bị năng lực đầy đủ, việc triển khai tự đánh giá sẽ có tính hệ thống và hiệu quả cao hơn.

2.4.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng LMS

Công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển năng lực tự đánh giá. Nhà trường cần: Tích hợp biểu mẫu tự đánh giá, rubric và phản hồi vào LMS, tạo hệ sinh thái đánh giá trực tuyến; Cung cấp dashboard theo dõi tiến độ học tập, giúp sinh viên nhận biết quá trình và mức độ đạt được; Khai thác phân tích dữ liệu (learning analytics) để phát hiện sinh viên cần hỗ trợ; Tạo kho học liệu hướng dẫn kỹ năng tự đánh giá, video minh họa và tài nguyên số mở.

Ứng dụng công nghệ giúp việc tự đánh giá trở nên thuận tiện, minh bạch và có khả năng theo dõi lâu dài.

2.4.5. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng (QA) về năng lực tự đánh giá

Để phát triển bền vững, nhà trường cần đưa năng lực tự đánh giá vào hệ thống QA nội bộ: (1) Thiết kế bộ chỉ báo đánh giá năng lực tự đánh giá, bao gồm chỉ báo về hành vi, nhận thức, thái độ và kỹ năng số; (2) Tổ chức khảo sát định kỳ về mức độ tự đánh giá và hiệu quả các hoạt động hỗ trợ; (3) Đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra tự đánh giá theo từng khóa học; (4) Tích hợp tự đánh giá vào quy trình kiểm định chương trình đào tạo.

Việc bảo đảm chất lượng năng lực tự đánh giá giúp nhà trường kiểm soát, giám sát và điều chỉnh hoạt động phát triển năng lực này một cách liên tục và hiệu quả.

2.4.6. Tạo môi trường học tập khuyến khích tự đánh giá

Ngoài các giải pháp quản lý, môi trường học tập cần được thiết kế theo hướng: Khuyến khích sinh viên trao đổi học thuật, đặt câu hỏi và phản biện; Tăng cường hoạt động nhóm, học theo dự án, seminar để tạo cơ hội tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng; Xây dựng văn hóa phản hồi tích cực, trong đó giảng viên và sinh viên cùng chia sẻ trách nhiệm trong đánh giá.

Môi trường tích cực giúp sinh viên cảm thấy an toàn khi tự đánh giá, nhờ đó nâng cao sự tự tin và chủ động.

Như vậy, các giải pháp trên không chỉ hướng tới hoàn thiện hoạt động quản lý, mà còn góp phần thúc đẩy năng lực tự học – tự đánh giá như một yêu cầu tất yếu của giáo dục đại học hiện nay. Sự kết hợp giữa chuẩn hóa, số hóa, bồi dưỡng giảng viên và QA nội bộ sẽ tạo nên hệ thống phát triển năng lực tự đánh giá đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, đồng thời phân tích hệ thống quản lý liên quan đến mục tiêu đào tạo, hoạt động đánh giá, vai trò giảng viên – cố vấn học tập và đảm bảo chất lượng nội bộ. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có thái độ tích cực và mức độ thực hành tự đánh giá ở mức khá, thể hiện qua khả năng phản tư, điều chỉnh kế hoạch học tập và tiếp nhận phản hồi. Tuy nhiên, các hạn chế về kỹ năng sử dụng công cụ đánh giá, xử lý thông tin và mức độ tự tin khi tự đánh giá vẫn còn phổ biến.

Ở góc độ quản lý, nhà trường đã triển khai một số giải pháp như ứng dụng LMS, công bố mục tiêu – tiêu chí minh bạch và phân công cố vấn học tập. Tuy vậy, năng lực tự đánh giá chưa được cụ thể hóa trong chuẩn đầu ra, hoạt động hướng dẫn và đánh giá chưa đồng bộ, và hệ thống QA nội bộ chưa theo dõi năng lực này một cách chuyên biệt. Những khoảng trống này ảnh hưởng đến tính hệ thống của quá trình phát triển năng lực tự đánh giá.

Từ thực trạng đó, bài báo đề xuất các giải pháp quản lý theo hướng tăng cường chuẩn hóa mục tiêu, hoàn thiện hoạt động đánh giá, bồi dưỡng giảng viên, ứng dụng công nghệ và tích hợp tự đánh giá vào hệ thống QA nội bộ. Các giải pháp này nhằm xây dựng môi trường học tập khuyến khích tự chủ, phản tư và cải tiến liên tục – những phẩm chất quan trọng của người học đại học trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục hiện nay.

Nghiên cứu cũng gợi ý cần có các nghiên cứu sâu hơn về tác động của năng lực tự đánh giá đối với kết quả học tập và năng lực nghề nghiệp của sinh viên, đồng thời mở rộng khảo sát sang các nhóm ngành khác trong trường để có bức tranh toàn diện hơn. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường tiếp tục hoàn thiện chính sách, chương trình và hoạt động đào tạo theo định hướng phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN University Network. (2015). *AUN-QA program framework (Version 4.0)*.
2. Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university (4th ed.)*. McGraw-Hill.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007). *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*. Hà Nội.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*. Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo giáo viên*. Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học*. Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT về kiểm định chương trình đào tạo*.
8. Deming, W. E. (2018). *Chu trình PDCA trong quản lý chất lượng giáo dục* (Tài liệu dịch, lưu hành nội bộ).
9. Nghị quyết số 29-NQ/TW. (2013). *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.
10. Harvey, L., & Green, D. (1993). Defining quality. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 18(1), pp.9–34.
11. OECD. (2020). *Education in the digital age: Skills and competencies for the future*.
12. Realyvásquez-Vargas, A., et al. (2023). Quality assurance in higher education: Frameworks and applications. *Journal of Educational Management*, 12(3), pp.45–62.
13. Tinto, V. (2012). *Completing college: Rethinking institutional action*. University of Chicago Press.
14. UNESCO. (2018). *Quality assurance in higher education: A global perspective*.
15. UNESCO. (2019). *Futures of education: Learning to become*.

REALITY AND SOLUTIONS TO EDUCATE COMPETENCY OF SELF-ASSESSMENT FOR STUDENTS AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Abstract: *Self-assessment competence is a key component of students' self-directed learning, especially in the context of educational reform and increasing technological integration in higher education. This study investigates the current status of students' self-assessment practices at Hanoi Metropolitan University through a survey of 101 students and 48 lecturers. Findings show that while students acknowledge the importance of self-assessment, they face difficulties in applying assessment criteria, analyzing learning outcomes, and adjusting study plans. Institutional management, assessment tools, and academic advising have improved but remain inconsistent and lack standardized procedures. Drawing on an educational management approach combined with quality assurance principles and the PDCA cycle, the study proposes solutions to enhance students' self-assessment competence, including refining learning outcomes, standardizing tools and processes within the LMS, training lecturers and advisors, applying technology to track learning progress, and operating a continuous QA mechanism. These recommendations aim to improve students' self-directed learning capacity and contribute to the enhancement of training quality.*

Keywords: *Quality assurance; self-assessment competence; training management; PDCA; university students; Hanoi Metropolitan University; self-directed learning.*